TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đăng Thiện

Ông Trịnh Trung Tuyến

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tho Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 70/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2024,

Đối với bị cáo: **Chu Đăng H**, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1970 tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Số thẻ Căn cước công dân: 038070020032, cấp ngày 20 tháng 8 năm 2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội; Nơi cư trú: Xóm A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Đăng T (đã chết) và bà Đinh Thị K (đã chết); Vợ đầu: Lưu Thị N (đã ly hôn) và có 03 con chung; Vợ hai Nguyễn Thị L, không có con chung; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964, Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị M:*

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1963, địa chỉ: Xóm Thủy Cơ, xã Xuân Tín,

huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá; Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Nguyễn Thị K1, sinh năm 1989, địa chỉ: Xóm C, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Nguyễn Thị T1, sinh năm 1990, địa chỉ: Khu A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

5. Nguyễn Văn T2, sinh năm 1996, địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của các người đại diện hợp pháp của bị hại (gồm: Nguyễn Văn D, Nguyễn Thị K1, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn T2): Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1988, địa chỉ: Xóm T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm:1963; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Anh Trịnh Đình K2, sinh năm: 1983; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1981, địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973, địa chỉ: Xóm A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt

5. Chị Lê Thị L1, sinh năm: 1970; địa chỉ: Xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

6. Chị Lê Thị H2, sinh năm: 1982; địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 08/7/2024, Chu Đăng H (sinh năm 1970, trú tại xóm A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa) có giấy phép lái xe hạng A1 còn thời hạn, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 đi từ nhà đến nhà chị gái ruột là Chu Thị Đ (sinh năm 1951, trú tại xóm A, xã X, huyện T) với mục đích thăm bà Đ đang bị ốm nặng.

Khi đến nhà bà Đ, H thấy gia đình đang ăn cơm uống rượu, trong đó có anh Phạm Văn Đ1 (sinh năm 1979, con trai bà Đ), anh Đỗ Ngọc H3 (sinh năm 1970, con rể bà Đ) và có mời H ăn cơm cùng gia đình. H đồng ý, ngồi xuống chiếu ăn cơm cùng mọi người. Trong lúc ăn cơm, H có uống 2-3 chén rượu, loại chén thuỷ

tinh nhỏ. H ngồi ăn cơm uống rượu khoảng 30 phút thì chị Nguyễn Thị L (vợ của H) đến gọi H nói là nhà hết bột lợn và bảo H đi mua. Vì vậy, H đứng dậy, điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng bán bột lợn ở xã P, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để mua bột lợn. H mua một bao bột lợn loại 25kg, để ở háng xe, điều khiển xe mô tô quay về. Khi về đến nhà, chị L xem và bảo không đúng hãng bột lâu nay lấy cho lợn ăn, H nói với chị L nếu thế để H đem bao bột quay lại cửa hàng để đổi. Khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64, có bật đèn chiếu sáng, chở theo bao bột lợn để ở háng xe, đi từ nhà đến quán để đổi lại. H điều khiển xe đi trên phần đường bên phải đường Tỉnh lộ 506B theo hướng xã X đi xã P, đoạn qua cánh đồng thuộc địa phận xóm B, xã X, huyện T với tốc độ khoảng 40km/h.

Thời điểm này, ông Nguyễn Văn D (sinh năm 1963, trú tại xóm B, xã X, huyện T) có giấy phép lái xe hạng A1 còn thời hạn, điều khiển xe máy Biển kiểm soát 36D1-034.23 chở vợ là Nguyễn Thị M (sinh năm 1964) ngồi sau và bộ lưới đánh cá màu xanh để ở yên xe, đi từ nhà đến cánh đồng thuộc địa phận xóm B, xã X, huyện T với mục đích để thả lưới bắt cá. Khi đến địa điểm thả lưới, ông D dừng xe máy ở sát lề đường bên phải đường Tỉnh lộ 506B theo hướng xã X đi xã P. Ông D tắt máy xe, nhưng vẫn ngồi trên xe, còn bà M đã xuống xe, lại phía sau đuôi xe ôm lưới đánh cá từ trên xe xuống.

Lúc này, H điều khiển xe mô tô đi cùng chiều từ phía sau đến, do H đã uống rượu, không chú ý quan sát nên khi khoảng cách xe mô tô của H và bà M còn khoảng 01 - 02m thì H mới phát hiện thấy bà M đang ôm lưới đánh cá từ trên xe xuống. H điều khiển xe chuyển hướng sang trái để tránh nhưng không kịp, bánh trước xe của H đâm va vào mặt trong cẳng chân trái bà M. Sau khi xảy ra va chạm, bà M bị ngã xuống mặt đường nhựa, H cùng với xe mô tô đổ ngã trượt trên mặt đường. Bản thân H và bà M đều bị thương và bất tỉnh. Ông D và xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23 không bị đổ ngã. Thấy vậy, ông D dựng xe ngã nghiêng trái vào lề đường rồi quay về nhà gọi hàng xóm là anh Trịnh Đình K2 (sinh năm 1983) và anh Nguyễn Văn T3 (sinh năm 1981), đều trú tại xóm B, xã X, huyện T đến đưa bà M đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa huyện T. Do tình trạng vết thương nặng, nguy hiểm đến tính mạng, bà M được chuyển tuyến đến Bệnh viện đa khoa tỉnh T để điều trị nhưng đến 01 giờ 00 phút ngày 09/7/2024 thì bà M tử vong.

Sau vụ việc, Chu Đăng H bị thương, được gia đình đưa đến bệnh viện chữa trị. Ngay sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện T phối hợp với Đội Cảnh sát giao thông, trật tự, cơ động Công an huyện T tiến hành đo nồng độ cồn trong hơi thở của Chu Đăng H. Kết quả: Nồng độ cồn trong hơi thở của Chu Đăng H là 0,060mg/l. Chu Đăng H điều trị thương tích tại Bệnh viện H5 từ ngày 09/7/2024 đến ngày 12/7/2024. Sau đó, chuyển về Bệnh viện đa khoa tỉnh T điều trị từ ngày 12/7/2024 đến ngày 31/7/2024 xuất viện về nhà.

Ngày 09/7/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra quyết định trưng cầu giám định pháp y tử thi để xác định nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị M. Tại kết luận giám định số 2725/KLGĐTT-PC09 ngày 23/7/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:

- Các vết xây xước da, rách da, bầm tụ máu tại vùng: Đầu, lưng, mông, tay phải, hai chân.

- Hai hố mắt bầm tím.

- Chấn thương sọ não: Tụ ngấm máu tổ chức dưới da đầu vùng trán đỉnh hai bên và thái dương chẩm phải, cơ thái dương phải; Vỡ xương hộp sọ; Xuất huyết khoang dưới nhện; Não thất bên chứa dịch máu.

- Nguyên nhân chết của bà Nguyễn Thị M: Chấn thương sọ não.

Tại kết luận giám định ma túy trong máu số 5331, 5332/KL-KTHS ngày 19/7/2024 của V Bộ C, kết luận: Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu của bà Nguyễn Thị M, ông Chu Đăng H gửi giám định.

Tại kết luận giám định nồng độ cồn trong máu số 5334/KL-KTHS ngày 17/7/2024 của V Bộ C, kết luận: Không tìm thấy ethanol (cồn) trong mẫu máu của bà Nguyễn Thị M gửi giám định.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, giám định dấu vết va chạm cơ học xác định:

- Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 với xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23.

- Va chạm với giữa xe mô tô biển kiểm soát 36K5 - 149.64 với bà Nguyễn Thị M:

+ Các vết tỳ trượt tại mặt và má trái lốp trước, mặt trước trên ngoài hai bên phần trước chắn bùn trước, mặt trước mặt nạ, mặt trước ngoài cánh yếm bên phải, mặt trước ngoài ốp nhựa bên phải đầu xe và mặt trước trên tay nắm bên phải xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 phù hợp do va chạm với bà Nguyễn Thị Minh T4 nên.

+ Điểm va chạm đầu tiên: Mặt và má trái lốp trước xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 với mặt trong căng chân trái bà Nguyễn Thị M.

+ Tại thời điểm va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 chuyển động theo hướng từ Tây sang Đ và bà Nguyễn Thị M có hướng đi, đứng hoặc chạy cùng chiều, chếch từ trái sang phải so với hướng chuyển động của xe mô tô biển kiêm soát 36K5-149.64.

+ Không đủ cơ sở xác định tốc độ di chuyển của xe mô tô biển kiểm soát 36K5 - 149.64 và bà Nguyễn Thị M tại thời điểm xảy ra va chạm.

- Va chạm giữa xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23 với bà Nguyễn Thị M:

+ Vết tỳ trượt tại mặt sau ngoài bên trái đuôi xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23 phù hợp do va chạm với mặt trước 1/3 dưới đùi phải đến 1/3 trên cẳng chân phải bà Nguyễn Thị Minh T4 nên sau khi bà Nguyễn Thị M đã bị xe mô tô biển kiểm soát 36K5-149.64 va chạm.

+ Tại thời điểm va chạm, đầu xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23 quay hướng Đông; không đủ cơ sở xác định chiều hướng của bà Nguyễn Thị M.

+ Không đủ cơ sở xác định vị trí va chạm trên đường.

+ Không đủ cơ sở xác định tốc độ di chuyển của xe mô tô biển kiểm soát 36D1-034.23 tại thời điểm xảy ra va chạm.

- Vị trí xảy ra tai nạn trên mặt đường: Đoạn đường xảy ra tai nạn rộng 5,5m, bằng phẳng, được rải nhựa, 2 bên lề đường là lề cỏ đất mỗi bên rộng 1m. Vị trí xảy ra tai nạn được xác định nằm trước đầu vết cà trượt trên mặt đường cách lề đường bên phải xe mô tô 1,1m thuộc phần đường của xe mô tô BKS 36D1-149.64.

Tại Cơ quan điều tra, Chu Đăng H thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Đối với thương tích của Chu Đăng H, do lỗi của bản thân gây ra nên không đề nghị giám định thương tích và bồi thường gì.

Đồ vật, tài liệu thu giữ, tạm giữ:

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 36K5-149.64 do Chu Đăng H sử dụng khi xảy ra vụ tai nạn giao thông, quá trình điều tra chứng minh được đây là xe của chị Lê Thị L1 (sinh năm 1970, trú tại xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, là chị dâu của H). Thời điểm tháng 5/2024, chị L1 đi chăm cháu ngoại tại tỉnh Đồng Nai, để xe ở nhà cho Chu Đăng H quản lý, sử dụng; Sau tai nạn, chị L1 mới biết sự việc. Chị L1 có yêu cầu được nhận lại phương tiện để phục vụ đi lại. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cùng giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị L1.

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 36D1 - 034.23, chủ phương tiện là ông Nguyễn Văn D. Sau khi điều tra làm rõ về chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn D.

- Đối với hành vi của ông Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 36D1-034.23 tham gia giao thông, nhưng không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự, Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ tài liệu có liên quan và giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô cho Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Đối với giấy phép lái xe (bản chính) của Chu Đăng H, sau khi điều tra làm rõ hành vi phạm tội đã tiến hành chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình Chu Đăng H đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bà Nguyễn Thị M số tiền 150.000.000 đồng. Đại diện gia đình bà Nguyễn Thị M không có yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho H. Chị Lê Thị L1 không yêu cầu H phải bồi thường dân sự gì.

Tại bản cáo trạng số 77/CT-VKS-HS ngày 15/10/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Chu Đăng H về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại các điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Chu Đăng H thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Về phần dân sự: Bị cáo xác định đã nhờ gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại Nguyễn Thị M được số tiền 150.000.000 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị M trình bày: Xác nhận sau tai nạn, gia đình bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình nạn nhân Nguyễn Thị M được số tiền là 150.000.000 đồng. Nay người đại diện hợp pháp của bị hại, có ý kiến không yêu cầu đề nghị bồi thường gì thêm về phần dân sự; Về hình sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Chu Đăng H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Về hình phạt chính: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 260; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Chu Đăng H từ 22 đến 25 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 44 đến 50 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Không.

- Xử lý đồ vật, tài liệu thu giữ: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại giấy phép lái xe (bản chính) mang tên Chu Đăng H cho chủ sở hữu hợp pháp Chu Đăng H.

- Về phần dân sự: Bị cáo Chu Đăng H đã tự nguyện bồi thường cho gia đình người bị hại Nguyễn Thị M số tiền 150.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Thị M không có yêu cầu gì thêm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L1 không yêu cầu H phải bồi thường dân sự gì, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo H thừa nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Chu Đăng H tại phiên tòa hôm nay, là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản khám nghiệm phương tiện; Biên bản khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định pháp y tử thi; kết luận giám định nồng độ cồn; Kết luận giám định dấu vết va chạm cơ học, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 08/7/2024, tại Km21 + 500 đường Tỉnh lộ 506B thuộc địa phận xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, Chu Đăng H (có giấy phép lái xe mô tô theo quy định) sau khi sử dụng rượu, có nồng độ cồn trong hơi thở là 0,060mg/l, đã điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 36K5-149.64 không chú ý quan sát, đâm va vào người bà Nguyễn Thị M đang đứng sau xe mô tô Biển kiểm soát 36D1-034.23 do ông Nguyễn Văn D điều khiển đang dừng sát lề đường bên phải theo chiều đi của mình, hậu quả làm bà Nguyễn Thị M tử vong.

Hành vi trên của Chu Đăng H đã phạm vào khoản 8, 23 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, quy định về *"Các hành vi bị nghiêm cấm: Điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ"* và điểm b khoản 7 Điều 6 Nghị định 100/2019/NĐ-CP của Chính Phủ, quy định về *"Điều khiển xe mô tô không chú ý quan sát gây tai nạn giao thông"*, gây hậu quả làm chết bà Nguyễn Thị M. Do đó, hành vi của bị cáo Chu Đăng H đã phạm vào tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Vụ tai nạn giao thông xảy ra, đã gây ra hậu quả tang thương, làm chết 01 người, mặc dù là ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo, nhưng đã gây nên những mất mát, nỗi đau nặng nề đối với gia đình và người thân của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân khi tham gia giao thông. Do vậy, cần phải xử lý vụ án nghiêm minh, nhằm giáo dục đối với bị cáo về ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức tuân thủ quy tắc về giao thông nói riêng; đồng thời đây cũng là bài học đối với người dân khi tham gia giao thông.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chu Đăng H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tác động nhờ gia đình bị cáo tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại được số tiền là 150.000.000 đồng; Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo H có anh trai ruột Chu Đăng H4 là Liệt sĩ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, được Nhà nước cấp Bằng Tổ quốc ghi công và tặng Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, Huân chương kháng chiến hạng ba, nên bị cáo H được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy: Bị cáo Chu Đăng H được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết theo quy định tại khoản khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, xử phạt bị cáo ở mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Xét bị cáo Chu Đăng H nhất thời phạm tội do lỗi vô ý; có nhân thân tốt; được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; Mặt khác bản thân bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo (ung thư đại trạng) hiện cần phải điều trị định kỳ. Vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát, giáo dục theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp. Như vậy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền là 150.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị L1 đã được nhận lại xe và không yêu cầu H phải bồi thường dân sự gì, nên không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án và các tài liệu, đồ vật tạm giữ:

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 36K5-149.64 do Chu Đăng H sử dụng khi xảy ra vụ tai nạn giao thông, quá trình điều tra chứng minh được đây là xe của chị Lê Thị L1 (sinh năm 1970, trú tại xóm B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, là chị dâu của H). Thời điểm tháng 5/2024, chị L1 đi chăm cháu ngoại tại tỉnh Đồng Nai, để xe ở nhà cho Chu Đăng H quản lý, sử dụng; sau tai nạn, chị L1 mới biết sự việc. Chị L1 có yêu cầu được nhận lại phương tiện để phục vụ đi lại. Cơ quan điều

tra đã trả lại tài sản cùng giấy tờ liên quan cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Lê Thị L1, là phù hợp.

- Đối với xe mô tô Biển kiểm soát: 36D1 - 034.23, chủ phương tiện là ông Nguyễn Văn D. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn D, là phù hợp.

- Đối với giấy phép lái xe (bản chính) của Chu Đăng H, hiện đang được lưu giữ theo hồ sơ vụ án, là phù hợp. Nếu Chu Đăng H có đơn xin nhận lại sẽ được xử lý khi có yêu cầu.

[9] Về tính tiết liên quan vụ án: Ông Nguyễn Văn D điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát: 36D1-034.23 tham gia giao thông, nhưng không có bảo hiểm trách nhiệm dân sự, nên Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ tài liệu có liên quan và giấy phép lái xe, đăng ký xe mô tô cho Công an huyện T để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[10] Về án phí: Bị cáo Chu Đăng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 260; khoản 1 Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 293; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố bị cáo Chu Đăng H phạm tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ".

- Xử phạt bị cáo Chu Đăng H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn mươi tám) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Đăng H cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68 và khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

3. Về án phí: Bị cáo Chu Đăng H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại:
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến